

flute (n)

/fluːt/

cây sáo



folk (n)

/fəʊk/

người dân; nhạc dân gian



furniture (n)

/ˈfɜːnɪtʃə(r)/

đồ nội thất



guide (n)

/gaɪd/

người hướng dẫn; sách hướng dẫn



herb (n)

/hɜːb/

thảo mộc, rau thơm



heritage (n)

/ˈherɪtɪdʒ/

di sản